

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN NGÀNH Y KHOA VỀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH BẰNG BẢNG HỎI DREEM

Lê Xuân Hưng^{1*}, Ngô Thanh Bình¹, Nguyễn Thị Thu Oanh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát nhận thức của sinh viên ngành y khoa về môi trường giáo dục và xác định sự phù hợp của bảng hỏi DREEM để đánh giá môi trường giáo dục Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2020-2021.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang trên 785 sinh viên ngành y khoa bằng bảng hỏi DREEM.

Kết quả: Tổng điểm DREEM đạt $134,9 \pm 23,8$; Sau khi phân tích độ tin cậy và nhân tố khám phá từ 50 câu hỏi gốc có 40 câu hỏi thuộc 06 nhóm nhân tố mới, giải thích được 61,68% nhận thức của sinh viên ngành y khoa về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình; Nhân tố 5, Nhân tố 4, Nhân tố 3, Nhân tố 2, Nhân tố 6 và Nhân tố 1 ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình với hệ số Beta lần lượt là: 0,332; 0,226; 0,221; 0,219; 0,218; 0,177.

Từ khóa: Bảng hỏi DREEM, nhận thức, môi trường giáo dục, sinh viên ngành y khoa, Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

ABSTRACT

MEDICAL STUDENT'S PERCEPTION OF THE EDUCATIONAL ENVIRONMENT AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY BY DREEM QUESTIONNAIRE

Objective: Survey on the perception of medical students about the educational environment and determine the appropriateness of the DREEM questionnaire to assess the educational environment of Thai Binh University of Medicine and Pharmacy (TBUMP), academic year 2020-2021.

Method: Descriptive study through a cross-sectional survey on 785 medical students using the DREEM questionnaire.

Results: Total DREEM score is $134,9 \pm 23,8$; After analyzing the reliability and exploratory

factors from 50 original questions, there were 40 questions belonging to 06 new factor groups, explaining 61,68% of the perception of medical students about the educational environment of TBUMP; Factor 5, Factor 4, Factor 3, Factor 2, Factor 6 and Factor 1 affect students' perception of the educational environment at TBUMP with Beta coefficients respectively is: 0,332; 0,226; 0,221; 0,219; 0,218; 0,177.

Key words: DREEM questionnaire, perception, educational environment, medical students, TBUMP.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Môi trường giáo dục (MTGD) của một trường học được cấu thành bởi các nhân tố chính như: người học, giảng viên, phương pháp giảng dạy/học tập, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, nhu cầu tâm lý xã hội và cảm xúc của người học. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy, môi trường học tập ảnh hưởng quan trọng tới động lực và thành tích học tập của sinh viên. Một số công cụ đã được thiết kế, hoàn thiện để đánh giá MTGD trong nhiều thập kỷ qua. Mặc dù các công cụ khác nhau đã chứng minh giá trị mạnh mẽ và độ tin cậy đo lường cao, nhưng được sử dụng rộng rãi và chấp thuận trong môi trường giáo dục y tế là bộ câu hỏi Dundee (DREEM - Dundee Ready Education Environment Measure) do Roff và nhóm nghiên cứu xây dựng từ năm 1997 [1]. Bộ công cụ này đo lường nhận thức của sinh viên về MTGD đối với 5 lĩnh vực: nhận thức về học tập, nhận thức về giảng viên, nhận thức về học thuật, nhận thức về môi trường học tập và tự nhận thức xã hội đã được báo cáo trong nhiều công bố kết quả nghiên cứu ở nhiều quốc gia trên thế giới qua phân tích tổng quan từ 1997 – 2011 của Miles và cộng sự [2]. DREEM được sử dụng với mục đích xác định những điểm cần cải thiện trong MTGD, để so sánh sự mong đợi của sinh viên với thực tế và xác định những khoảng trống cần thay đổi, đặc biệt để so sánh môi trường học tập ở các trường khác nhau cũng như ở các giai đoạn đào tạo khác nhau.

Năm 2017, Trần Bảo Ngọc và cộng sự [3] đã thực hiện nghiên cứu về nhận thức của sinh viên (SV) y khoa về môi trường giáo dục tại Trường

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

* Chịu trách nhiệm chính: Lê Xuân Hưng

Email: hunglx@tbump.edu.vn

Ngày nhận bài: 28/02/2023

Ngày phản biện: 09/03/2023

Ngày nhận bài: 15/03/2023

Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên. Qua kết quả nghiên cứu và phân tích nhóm tác giả nhận thấy bộ câu hỏi DREEM phù hợp để khảo sát nhận thức môi trường giáo dục của SV ngành y khoa, với 34/50 câu hỏi gốc sau khi đã loại bỏ một số câu (chủ yếu là các câu hỏi ngược) giải thích được 64,7% nhận thức của sinh viên về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên. Nhằm cung cấp thêm thông tin nghiên cứu về môi trường giáo dục của các trường đào tạo khối ngành khoa học sức khỏe, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: Khảo sát nhận thức của sinh viên ngành y khoa về môi trường giáo dục và xác định sự phù hợp của bảng hỏi DREEM để đánh giá môi trường giáo dục Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2020-2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên ngành y khoa của Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2020 - 2021.

Tiêu chuẩn chọn đối tượng: Sinh viên tự nguyện tham gia khảo sát; không trong thời gian kỷ luật từ cảnh cáo trở lên; Hoàn thành đầy đủ các câu hỏi nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

a) Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang.

b) Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

$$n = Z_{(1-\frac{\alpha}{2})}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

p: là tỷ lệ nhận thức của sinh viên về môi trường giáo dục được đánh giá bằng bảng hỏi DREEM. Theo nghiên cứu của Trần Bảo Ngọc và Nguyễn Đắc Trung [3], chọn p = 0,647.

d: Khoảng sai lệch mong muốn giữa tỷ lệ p thu được từ mẫu và tỷ lệ thực từ quần thể (chọn d=0,04).

Với độ tin cậy $\alpha=95\%$ thì $Z_{(1-\frac{\alpha}{2})}^2=1,9$

Thay vào công thức được n=549. Thực tế, nghiên cứu đã tiến hành trên 785 sinh viên.

c) Nội dung nghiên cứu:

- Bộ công cụ nghiên cứu ngoài các câu hỏi về thông tin chung của đối tượng nghiên cứu là bảng 50 câu hỏi DREEM tự điền có điểm tối đa là 200 đối với 05 lĩnh vực. Mỗi câu hỏi đánh giá bằng thang đo Likert 5

mức độ: số điểm 4; 3; 2; 1; 0 lần lượt tương ứng với các mức độ hoàn toàn đồng ý, đồng ý, trung lập/bình thường, không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý. Tuy nhiên, 9 trong số 50 câu hỏi (gồm câu số 4, 8, 9, 17, 25, 35, 39, 48 và 50) là các câu phủ định nên cách tính điểm ngược lại.

- Đánh giá môi trường giáo dục và các lĩnh vực theo nghiên cứu của McAleer S., Roff Sue [4]:

+ Cách đánh giá môi trường giáo dục: Tổng điểm DREEM tối đa 200 cho thấy MTGD là lý tưởng; Tổng điểm từ 151 - 200: rất tuyệt vời; Tổng điểm 101 - 150: có nhiều ưu điểm hơn nhược điểm; Tổng điểm 51 - 100: có nhiều vấn đề cần sửa đổi; Tổng điểm 0 - 50: rất kém;

+ Cách đánh giá từng lĩnh vực:

Nhận thức của sinh viên về học tập (điểm tối đa: 48): Tổng điểm 0-12: Rất kém; Tổng điểm 13 - 24: Hoạt động giảng dạy bị coi là tiêu cực; Tổng điểm 25 - 36: Sinh viên có nhận thức tích cực hơn tiêu cực; Tổng điểm 37 - 48: Hoạt động giảng dạy có hiệu quả cao.

Nhận thức của sinh viên về giảng viên (điểm tối đa: 44): Tổng điểm 0 - 11: Rất kém; Tổng điểm 12 - 22: Cần có sự đào tạo lại giảng viên; Tổng điểm 23 - 33: Hoạt động giảng dạy của giảng viên đang đi đúng hướng; Tổng điểm 34 - 44: Giảng viên là tấm gương cho đồng nghiệp noi theo.

Tự nhận thức về học thuật (điểm tối đa: 32): Tổng điểm 0 - 08: Cảm giác thất bại hoàn toàn; Tổng điểm 09 - 16: Có nhiều khía cạnh tiêu cực; Tổng điểm 17 - 24: Cảm nhận tích cực nhiều hơn tiêu cực; Tổng điểm 25 - 32: Tự tin.

Nhận thức của sinh viên về bầu không khí/môi trường học tập (điểm tối đa: 48): Tổng điểm 0 - 12: Môi trường tồi tệ; Tổng điểm 13 - 24: Có nhiều vấn đề cần thay đổi; Tổng điểm 25 - 36: Có nhiều khía cạnh tích cực; Tổng điểm 37 - 48: Môi trường học tập tốt.

Tự nhận thức xã hội của sinh viên (điểm tối đa: 28): Tổng điểm 0 - 07: Khó khăn; Tổng điểm 08 - 14: Không phải là một nơi tốt đẹp; Tổng điểm 15 - 21: Không quá tệ; Tổng điểm 22 - 28: Rất tốt về mặt xã hội.

- Thiết kế phiếu khảo sát dưới dạng Google form để tiến hành lấy thông tin từ đối tượng được nghiên cứu. Đường link của phiếu khảo sát được gửi tới sinh viên để lấy ý kiến phản hồi.

d) Xử lý số liệu:

Kiểm tra, làm sạch số liệu để hạn chế lỗi trong quá trình điều tra. Mã hóa số liệu từ khảo sát google online và chuyển sang phần mềm SPSS 22.0 để phân tích.

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) là chỉ số được dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số KMO lớn có ý nghĩa phân tích nhân tố là thích

hợp. Trong nghiên cứu này chúng tôi chọn điều kiện: $0,5 \leq KMO \leq 1$.

Sử dụng kiểm định Cronbach's Alpha: loại các biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0,4; Chọn thang đo có độ tin cậy Alpha tổng (chung) $\geq 0,6$. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) bằng phương pháp xoay Varimax để xác định độ tin cậy của bộ câu hỏi và mô hình phù hợp với Nhà trường.

Sử dụng phân tích hồi quy tuyến tính bội để xác định sự tác động của các biến độc lập lên biến

phụ thuộc; giá trị hệ số phóng đại phương sai (VIF) để đánh giá hiện tượng cộng tuyến trong mô hình hồi quy.

e) Thời gian nghiên cứu: Tháng 5-6/2021.

g) Địa điểm: Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

2.3. Đạo đức nghiên cứu

Sự tham gia của tất cả các đối tượng vào nghiên cứu hoàn toàn mang tính tự nguyện và mọi thông tin về đối tượng nghiên cứu được giữ bí mật.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Biến số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	237	30,2
	Nữ	548	69,8
Tổng		785	100
Tuổi trung bình		20,19 \pm 1,36	

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 1, cho thấy: sinh viên nữ học ngành y khoa chiếm đa số (chiếm 69,8%); tuổi trung bình của đối tượng là 20,19 \pm 1,36.

Bảng 2. Nhận thức của sinh viên ngành y khoa về các lĩnh vực theo bộ DREEM gốc (n=785)

Lĩnh vực	Điểm trung bình	SD	Điểm tối đa
Nhận thức về học tập	33,8	6,4	48
Nhận thức về giảng viên	30,9	5,6	44
Nhận thức về học thuật	20,8	5,0	32
Nhận thức về môi trường	31,0	6,4	48
Tự nhận thức về xã hội	18,4	4,2	28
Điểm tổng	134,9	23,8	200

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 2 cho thấy điểm trung bình các lĩnh vực đều trên 50% so với điểm tối đa. Điểm tổng DREEM đạt 134,9 \pm 23,8 điểm tương ứng với môi trường giáo dục của Nhà trường có nhiều khía tích cực hơn tiêu cực.

Nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy của bộ câu hỏi đối với nhóm sinh viên ngành y khoa với hệ số tương quan biến - tổng $\geq 0,4$ và Cronbach's Alpha $> 0,6$. Kết quả, nhận thấy có 43 câu hỏi trong 50 câu hỏi DREEM gốc đảm bảo độ tin cậy để sử dụng để phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Bảng 3. Kiểm định KMO và Bartlett đối với tính phù hợp của câu hỏi

KMO and Bartlett's test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of sampling adequacy	KMO	0,968
Bartlett's test of Sphericity	Chi-square	20445,796
	df	903
	p-value	< 0,05

Qua bảng 3, nhận thấy: Dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp (chỉ số KMO = 0,968 $> 0,5$) và các biến có tương quan với nhau và thỏa mãn điều kiện phân tích nhân tố (Bartlett's test of Sphericity = 20445,796 với mức ý nghĩa $p < 0,05$).

Sau 02 lần phân tích nhân tố khám (EFA) nhóm nghiên cứu đã loại 03 biến có hệ số tải nhân tố $< 0,5$. Từ 43 biến ban đầu thỏa mãn điều kiện phân tích nhân tố khám phá, sau phân tích EFA chỉ còn lại 40

biến thuộc 06 nhóm nhân tố mới giải thích được 61,68% biến thiên của dữ liệu hay nhận thức của sinh viên về môi trường giáo dục của Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Bảng 4. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) bằng phương pháp xoay Varimax

Nhân tố		Nhân tố 1	Nhân tố 2	Nhân tố 3	Nhân tố 4	Nhân tố 5	Nhân tố 6
Nhận thức về học tập	Q44	0,638					
	Q47	0,566					
	Q38	0,519					
	Q16				0,724		
	Q21				0,674		
	Q13				0,646		
	Q7				0,624		
	Q20				0,578		
	Q24				0,527		
Nhận thức về giảng viên	Q2	0,694					
	Q18	0,671					
	Q32	0,658					
	Q6	0,643					
	Q29	0,624					
	Q40	0,620					
	Q37	0,602					
	Q9					0,899	
	Q8					0,888	
	Q39					0,819	
Nhận thức về học thuật	Q45	0,563					
	Q41		0,504				
	Q5			0,718			
	Q22			0,709			
	Q26			0,709			
	Q27			0,665			
	Q10			0,635			
Nhận thức về môi trường	Q23		0,698				
	Q11		0,661				
	Q34		0,658				
	Q33		0,624				
	Q30		0,601				
	Q43		0,552				
	Q12		0,541				
	Q36			0,619			
	Q42			0,539			
Tự nhận thức xã hội	Q14		0,500				
	Q19						0,664
	Q15						0,658
	Q28						0,648
	Q46						0,622

Qua bảng 4 ta thấy, có 40 câu hỏi thuộc 06 nhóm nhân tố tác động đến việc đánh giá môi trường giáo dục của sinh viên ngành y khoa tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính

Mô hình	Beta	p	VIF
Nhân tố 1	0,177	< 0,05	1,717
Nhân tố 2	0,219	< 0,05	1,807
Nhân tố 3	0,221	< 0,05	1,962
Nhân tố 4	0,226	< 0,05	1,932
Nhân tố 5	0,332	< 0,05	1,183
Nhân tố 6	0,218	< 0,05	1,522

Từ bảng 5, kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy: Nhân tố 5, Nhân tố 4, Nhân tố 3, Nhân tố 2, Nhân tố 6 và Nhân tố 1 ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môi trường giáo dục với hệ số Beta lần lượt là: 0,332; 0,226; 0,221; 0,219; 0,218; 0,177. Hệ số phóng đại phương sai VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 thể hiện tính đa cộng tuyến của các biến độc lập là không đáng kể và các biến trong mô hình được chấp nhận.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, tuổi trung bình của đối tượng là $20,19 \pm 1,36$; sinh viên nữ chiếm 69,8 % và nam 30,2% (nữ/nam \approx 2,31 lần). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự với nghiên cứu của Trần Bảo Ngọc và cộng sự [3] đã thực hiện nghiên cứu về nhận thức của sinh y khoa về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên, kết quả khảo sát trên 244 sinh viên y khoa và thu về được 221 phiếu (tỷ lệ phản hồi đạt 90,6%), trong đó sinh nữ chiếm 57,9%. Điều này cũng dễ dàng nhận thấy, trong các trường đào tạo về Y, dược thì tỷ lệ sinh viên nữ luôn lớn hơn sinh viên nam.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy điểm tổng DREEM đạt $134,9 \pm 23,8$ tương ứng với môi trường giáo dục của Nhà trường có nhiều có nhiều ưu điểm hơn nhược điểm, trong đó điểm trung bình của các lĩnh vực: nhận thức về học tập là $33,8 \pm 6,4$; nhận thức về giảng viên là $30,9 \pm 5,6$; nhận thức về học thuật là $20,8 \pm 5,0$; nhận thức về môi trường là $31,0 \pm 6,4$; nhận thức về xã hội là $18,4 \pm 4,2$.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự với nghiên cứu của Trần Bảo Ngọc và cộng sự [3] trên sinh viên y khoa Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên: Tổng điểm trung bình của DREEM là $129,9 \pm 20,6$ với điểm trung bình của các lĩnh vực: nhận thức về học tập là $31,0 \pm 5,1$; nhận thức về giảng viên là $30,2 \pm 6,1$; nhận thức về học thuật là $19,9 \pm 4,4$; nhận thức về môi trường là $30,8$

$\pm 5,8$; nhận thức về xã hội là $18,1 \pm 3,6$. Nghiên cứu của Farooq S. [5] về kết quả khảo sát trên 884 SV ngành y khoa và điều dưỡng của Đại học Aga Khan - Pakistan, với tỷ lệ phản hồi trung bình 84,1%, điểm trung bình chung SV đánh giá về môi trường giáo dục là $126 \pm 20,3$. SV điều dưỡng đánh giá nhận thức tích cực hơn về môi trường giáo dục của họ ($127,3 \pm 19,3$) so với SV y khoa ($124,6 \pm 21,3$) với $p = 0,027$. Nghiên cứu của Hongkan W. và cộng sự [6] thực hiện nghiên cứu nhận thức về môi trường giáo dục của SV y khoa khi đi học lâm sàng ở Thái Lan bằng bảng hỏi DREEM phiên bản Thái Lan. Kết quả khảo sát trên tổng số 2467 SV từ năm thứ tư đến thứ sáu từ 34 cơ sở đào tạo ngành y khoa trên toàn quốc, cho thấy: Nhận thức chung của SV về môi trường giáo dục y khoa là “có nhiều ưu điểm hơn nhược điểm”, với tổng điểm DREEM trung bình là $131,1 \pm 17,4$, trong đó: 84% đối tượng đánh giá tổng điểm từ 101 - 150, 12% SV đánh giá tổng điểm từ 151 - 200 và 4% SV đánh giá tổng điểm dưới 101.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra có 40/50 câu hỏi gốc thuộc 06 nhóm nhân tố giải thích được 61,68% nhận thức của SV ngành y khoa về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Kết quả phân tích hồi quy đa biến nhận thấy: Nhân tố 5, Nhân tố 4, Nhân tố 3, Nhân tố 2, Nhân tố 6 và Nhân tố 1 ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môi trường giáo dục với hệ số Beta lần lượt là: 0,332; 0,226; 0,221; 0,219; 0,218;

0,177. Hệ số phóng đại phương sai VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 thể hiện tính đa cộng tuyến của các biến độc lập là không đáng kể và các biến trong mô hình được chấp nhận. Có nghĩa là, khi tăng 1 điểm đánh giá thuộc các lĩnh vực: Nhân tố 5, Nhân tố 4, Nhân tố 3, Nhân tố 2, Nhân tố 6 và Nhân tố 1 thì sẽ làm cho mức độ hài lòng của sinh viên đối với môi trường giáo dục của Nhà trường tăng lên lần lượt 0,332; 0,226; 0,221; 0,219; 0,218; 0,177 điểm.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự như của Trần Bảo Ngọc [3], bộ câu hỏi DREEM phù hợp để khảo sát nhận thức môi trường giáo dục của SV ngành y khoa, với 34/50 câu hỏi gốc sau khi đã loại bỏ một số câu (chủ yếu là các câu hỏi ngược) giải thích được 64,7% sự hài lòng của sinh viên. Theo nghiên cứu của Lê Xuân Hưng [7] thực hiện khảo sát từ tháng 02- 5/2019 trên 800 sinh viên ngành Y khoa năm 2,3,4,5,6 hệ dài hạn trường Đại học Y Dược Thái Bình. Tổng thể, sinh viên đánh giá hoạt động đào tạo của Nhà trường ở mức độ trung bình với điểm số $(2,46 \pm 0,41)$ trên thang điểm 4. Từ những nghiên cứu trên, chúng ta nhận thấy nhận thức của sinh viên ngành y khoa về môi trường giáo dục của cơ sở giáo dục khối ngành khoa học sức khỏe đều ở mức “có nhiều ưu điểm hơn nhược điểm”, điều này cho thấy cơ sở giáo dục cần có những phương án, kế hoạch phù hợp để cải thiện môi trường giáo dục từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục.

Đây là nghiên cứu sử dụng bảng hỏi DREEM lần đầu được nhóm nghiên cứu thực hiện tại trường Đại học Y Dược Thái Bình, chưa được kiểm định trên quy mô lớn và trên đối tượng sinh viên y khoa nên kết quả thu được còn hạn chế.

V. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 785 sinh viên ngành y khoa của Trường Đại học Y Dược Thái Bình, chúng tôi thấy: tổng điểm DREEM đạt $134,9 \pm 23,8$ tương ứng với môi trường giáo dục của Nhà trường có nhiều ưu điểm hơn nhược điểm; Nghiên cứu nhận thấy có 40 câu hỏi DREEM phù hợp để đánh giá môi

trường giáo dục và nhóm thành 06 nhóm nhân tố mới giải thích được 61,68% nhận thức của SV ngành y khoa về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình; Nhân tố 5, Nhân tố 4, Nhân tố 3, Nhân tố 2, Nhân tố 6 và Nhân tố 1 ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên ngành y khoa về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình với hệ số Beta lần lượt là: 0,332; 0,226; 0,221; 0,219; 0,218; 0,177.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Roff Sue, McAleer Sean, Harden Ronald M., et al. (1997). Development and validation of the Dundee Ready Education Environment Measure (DREEM). *Medical Teacher*, 19 (4), 295-299.
2. Miles S., Swift L., Leinster S. J. (2012). The Dundee Ready Education Environment Measure (DREEM): a review of its adoption and use. *Med Teach*, 34 (9), e620-34.
3. Trần Bảo Ngọc, Lê Thị Lựu, Nguyễn Mạnh Tuấn và cộng sự. (2017). Nhận thức của sinh viên ngành y khoa về môi trường giáo dục tại Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 459 (10/2), 76-80.
4. McAleer S., Roff Sue (2001). A practical guide to using the Dundee Ready Education Environment Measure (DREEM). *AMEE Education Guide*, 23, 29-33.
5. Farooq S., Rehman R., Hussain M., et al. (2018). Comparison of undergraduate educational environment in medical and nursing program using the DREEM tool. *Nurse Educ Today*, 69, 74-80.
6. Hongkan W., Arora R., Muenpa R., et al. (2018). Perception of educational environment among medical students in Thailand. *Int J Med Educ*, 9, 18-23.
7. Lê Xuân Hưng (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên ngành y khoa đối với hoạt động đào tạo tại trường Đại học Y Dược Thái Bình. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt, Kì 2 – tháng 5/2020, 239-243.